TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 28/2020/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 13 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phạm Thị Mai H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ (trước là xã T), huyện TT, tỉnh P.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Xuân B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 5, xã Đ (trước là xã T), huyện TT, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị Mai H và anh Trần Xuân B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung

Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Mai H1, sinh ngày 15/10/2016 kể từ ngày 13/5/2020 cho đến khi cháu thành niên.

Giao cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Quang K, sinh ngày 13/12/2008 kể từ ngày 13/5/2020 cho đến khi cháu thành niên.

Hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, về công nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Chị Hằng và anh Ba xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2017/0001637 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P. Chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thanh Thủy
- UBND xã Đồng Trung
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú